



TRUNG TÂM CÔNG
BẢO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.v
n
21.08.2023 09:37:13
+07:00



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 21/08/2023 08:51:37

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1243 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 23/TTr-HĐ ngày 17/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và

tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi thông báo kết quả thi tới cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức dự thi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và cán bộ, công chức, viên chức có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCVC (Bộ Nội vụ);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ;
- VPUB: PCVP, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi557).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC
DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH, CHUYÊN VIÊN VÀ
TƯƠNG ĐƯƠNG: THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ
HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2023 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
I	Kết quả thi nâng ngạch công chức từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính								
1	Phạm Ngọc	Hồng	06/3/1974	CCN575	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	34	17	62	
2	Huỳnh Thị Thu	Thùy	28/7/1981	CCN576	Sở Thông tin và Truyền thông	35	Miễn thi	66	
3	Lê Quang	Nhật	20/3/1982	CCN577	Sở Nông nghiệp và PTNT	32	8	-	
4	Nguyễn Minh	Tú	07/10/1981	CCN578	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	39	13	-	
5	Võ Anh	Tùng	08/5/1980	CCN579	Sở Nông nghiệp và PTNT	36	Miễn thi	61	
6	Tạ Ngọc	Thị	20/5/1970	CCN580	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	30	13	-	
7	Nguyễn Quang	Thiện	20/4/1975	CCN581	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	45	21	61	
8	Nguyễn Đình	Trung	12/11/1977	CCN582	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT	38	20	64	
9	Đào Công	Trứ	24/4/1978	CCN583	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT	49	15	61	
10	Huỳnh Minh	Đạo	14/10/1978	CCN584	Sở Giao thông vận tải	36	24	66	
11	Nguyễn Tiến	Hùng	10/10/1983	CCN585	Sở Giao thông vận tải	44	18	58	
12	Nguyễn Văn	Loan	20/4/1976	CCN586	Sở Giao thông vận tải	42	21	62	
13	Nguyễn Thị Thúy	Na	10/5/1981	CCN587	Sở Giao thông vận tải	39	23	60	
14	Lê Nguyễn Tấn	Phú	25/5/1975	CCN588	Sở Giao thông vận tải	51	21	63	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
15	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	20/11/1974	CCN589	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	Miễn thi	62	
16	Trần Đức	Duy	07/12/1985	CCN590	Sở Kế hoạch và Đầu tư	31	19	63	
17	Phạm Ngọc	Huy	19/10/1978	CCN591	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	20	62	
18	Nguyễn Đức	Thanh	02/8/1975	CCN592	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	23	73	
19	Trương Quang	Thảo	01/10/1988	CCN593	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	25	64	
20	Nguyễn Văn	Thắng	10/12/1984	CCN594	Sở Kế hoạch và Đầu tư	34	20	63	
21	Lê Quang	Bình	26/12/1982	CCN595	Ban Dân tộc tỉnh	34	22	62	
22	Trương Đức	Thành	08/7/1978	CCN596	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	22	57	
23	Hà Tấn	Thọ	01/01/1978	CCN597	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	21	61	
24	Bùi Nguyên	Hải	02/11/1976	CCN598	Sở Công Thương	41	19	59	
25	Nguyễn Thị Phương	Tâm	28/10/1982	CCN599	Sở Công Thương	33	24	66	
26	Nguyễn Trung	Trực	24/6/21979	CCN600	Sở Công Thương	-	-	-	Bỏ thi
27	Mai Văn	Thanh	26/3/1968	CCN601	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	35	24	56	
28	Phan Quang	Đức	03/11/1986	CCN602	Đảng ủy xã Ba Thành huyện Ba Tơ	39	Miễn thi	62	
29	Phạm Quý	Đức	15/10/1983	CCN603	Phòng Nội vụ huyện Ba Tơ	40	Miễn thi	65	
30	Huỳnh Giang	Nam	25/12/1975	CCN604	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ba Tơ	42	Miễn thi	64	
31	Lê Thanh	Phương	31/3/1975	CCN605	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ba Tơ	47	Miễn thi	68	
32	Nguyễn Hồng	Quân	25/8/1978	CCN606	Đảng ủy thị trấn Ba Tơ	32	Miễn thi	71	
33	Lê Hữu	Trình	24/4/1983	CCN607	UBND xã Ba Vi huyện Ba Tơ	41	Miễn thi	66	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
34	Nguyễn Thị	Vân	07/5/1976	CCN608	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ba Tơ	34	Miễn thi	70	
35	Trần Huỳnh	Kiên	02/6/1983	CCN609	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Đức Phổ	31	23	66	
36	Nguyễn Thị	Kiều	30/4/1983	CCN610	HĐND thị xã Đức Phổ	38	20	70	
37	Nguyễn Văn	Thanh	03/12/1980	CCN611	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã Đức Phổ	43	25	53	
38	Võ Minh	Vương	09/7/1985	CCN612	UBND thị xã Đức Phổ	45	20	70	
39	Dương Thị Hoàng	Dung	16/6/1982	CCN613	Phòng LĐTB&XH-Y tế huyện Lý Sơn	40	23	69	
40	Huỳnh Minh	Hùng	01/6/1978	CCN614	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Nông thôn huyện Lý Sơn	39	20	63	
41	Trương Văn	Sửu	03/9/1974	CCN615	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lý Sơn	43	21	59	
42	Phạm Văn	Thọ	16/4/1971	CCN616	Phòng Tư pháp huyện Lý Sơn	41	22	70	
43	Trần Thị Mỹ	Lan	24/12/1976	CCN617	Phòng VH-TT huyện Minh Long	39	Miễn thi	69	
44	Đinh Văn	Lâm	20/8/1970	CCN618	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Minh Long	40	Miễn thi	60	
45	Lê Đình	Thông	08/7/1968	CCN619	Thường trực HĐND huyện Minh Long	33	21	70	
46	Nguyễn	Kha	16/5/1974	CCN621	Phòng Tư pháp huyện Mộ Đức	38	19	60	
47	Lê Hồng	Sa	15/5/1973	CCN622	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộ Đức	31	21	66	
48	Nguyễn Xuân	Thái	02/9/1980	CCN623	UBND xã Đức Thạnh huyện Mộ Đức	41	23	66	
49	Lê Quang	Nhu	10/12/1977	CCN624	Phòng NN&PTNT huyện Nghĩa Hành	35	24	60	
50	Cao Bá	Thành	19/10/1978	CCN625	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghĩa Hành	42	Miễn thi	66	
51	Nguyễn Trần	Thương	24/8/1987	CCN626	Phòng LĐTB&XH huyện Nghĩa Hành	41	21	60	
52	Đinh Thị Minh	Sáng	28/8/1984	CCN627	Phòng Dân tộc huyện Sơn Hà	39	Miễn thi	73	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
53	Lê Cao	Sinh	22/9/1983	CCN628	Phòng TC-KH huyện Sơn Tây	41	Miễn thi	66	
54	Phạm Thị Ngọc	Văn	05/12/1971	CCN629	Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây	47	Miễn thi	73	
55	Nguyễn Thanh	Tuấn	01/01/1976	CCN630	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Trà Bồng	44	Miễn thi	68	
56	Võ Tiến	Thế	19/6/1982	CCN631	UBND xã Trà Phú huyện Trà Bồng	40	20	67	
57	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	02/12/1980	CCN632	Phòng NN&PTNT huyện Trà Bồng	32	20	55	
58	Lê Minh	Vương	25/6/1986	CCN633	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Bồng	45	Miễn thi	70	
59	Nguyễn Thanh	Phú	07/01/1988	CCN634	Phòng Nội vụ huyện Tư Nghĩa	48	20	72	
60	Huỳnh Ngọc	Thuận	01/01/1982	CCN635	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Tư Nghĩa	43	22	65	
61	Nguyễn Chí	Cường	17/11/1979	CCN636	HĐND huyện Bình Sơn	37	20	60	
62	Võ Thanh	Tuấn	19/02/1982	CCN637	UBND xã Bình An huyện Bình Sơn	44	23	70	
63	Trần Thị	Thu	20/8/1981	CCN638	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Sơn	37	19	69	
II Kết quả thi thăng hạng viên chức từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính									
64	Bùi Văn	Ba	02/02/1981	VCN640	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị huyện Sơn Hà	44	Miễn thi	78	
65	Võ Tín	Dũng	10/02/1986	VCN641	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN, Sở Khoa học và Công nghệ	39	23	82	
66	Phan Cao	Lâm	21/8/1978	VCN642	Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Quảng Ngãi	41	22	75	
67	Lê	Mân	02/6/1968	VCN643	Liên Minh hợp tác xã	43	26	75	
68	Đoàn Thị Xuân	Mỹ	12/10/1981	VCN644	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	47	Miễn thi	77	
69	Trần Ngọc	Sang	15/11/1986	VCN645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ	43	Miễn thi	81	
70	Phạm Duy	Tân	06/02/1980	VCN646	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	37	25	72	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
71	Phạm Nhật	Vũ	25/5/1982	VCN647	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	41	23	72	
72	Đặng Văn	Nghiệp	21/12/1966	VCN651	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	48	18	90	
73	Trương Quang	Thu	07/12/1972	VCN652	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	36	22	80	
74	Nguyễn Anh	Tuấn	14/4/1970	VCN653	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	43	21	83	
III Kết quả thi nâng ngạch công chức từ Cán sự lên Chuyên viên									
75	Tô Thủy	Tiên	22/12/1992	CCN01	Sở Tài chính	32	25	69	
76	Lê Huỳnh	Anh	22/8/1981	CCN02	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh	30	27	70	
77	Phạm Thị Thanh	Hương	05/5/1978	CCN03	Thanh tra tỉnh	35	24	68	
78	Phan Thị	Mỹ	12/02/1989	CCN04	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	27	10	-	
79	Nguyễn Thanh	Son	16/5/1986	CCN05	Phòng Lao động - TB&XH, UBND huyện Bình Sơn	27	10	-	
80	Nguyễn Tiến	Công	02/4/1977	CCN06	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Nghĩa Hành	36	20	62	
81	Nguyễn Vũ Thị Anh	Đào	08/5/1987	CCN07	Phòng LĐ-TB và XH, UBND huyện Nghĩa Hành	33	20	65	
82	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/6/1990	CCN08	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Nghĩa Hành	39	16	67	
83	Huỳnh Tuấn	Vũ	01/01/1990	CCN09	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Nghĩa Hành	34	21	62	
84	Trần Văn	Bằng	23/4/1983	CCN10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Trà Bồng	32	Miễn thi	73	
85	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/10/1986	CCN11	Phòng Dân tộc, UBND huyện Trà Bồng	42	Miễn thi	65	
86	Đinh Thị	Trói	28/7/1981	CCN12	Phòng Dân tộc, UBND huyện Trà Bồng	28	Miễn thi	-	
87	Nguyễn Thị Hồng	Vân	19/8/1979	CCN13	Phòng Quản lý đô thị, UBND thành phố Quảng Ngãi	26	7	-	
88	Phạm Thị Thanh	Mến	13/7/1983	CCN50	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	32	22	54	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
89	Võ Tiến	Công	25/3/1980	CCN51	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	34	20	63	
90	Trần Minh	Đức	20/6/1980	CCN52	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	45	20	70	
91	Võ Kim	Phúc	1987	CCN53	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Sơn Tịnh	28	21	-	
92	Võ Thị	Thi	06/6/1989	CCN57	Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi	41	Miễn thi	85	
IV	Kết quả thi thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III								
93	Đình Văn	Bột	04/7/1982	VCN58	BQL Rừng phòng hộ tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24	Miễn thi	-	
94	Mai Thị Minh	Công	25/6/1986	VCN59	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao, UBND huyện Lý Sơn	20	14	-	
95	Đình Văn	Công	06/10/1976	VCN60	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Sơn Hà	30	Miễn thi	60	
96	Nguyễn Thị Kim	Cúc	12/7/1978	VCN61	Hội Nhà báo	57	22	67	
97	Trần Thị Hồng	Chuyên	33279	VCN62	Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	20	78	
98	Lê Trần Minh	Chuyên	14/12/1991	VCN63	BQL DA Đầu tư xây dựng và PTQĐ, UBND huyện Minh Long	40	Miễn thi	75	
99	Huỳnh Tiến	Dũng	26267	VCN64	Văn phòng Điều phối CTMTQGXD nông thôn mới, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31	26	67	
100	Trần Thị Minh	Hải	20/6/1984	VCN65	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	39	22	61	
101	Nguyễn Thái Ngọc	Hân	31098	VCN66	BQL Rừng phòng hộ tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	14	-	
102	Đình Minh	Hiếu	27/7/1986	VCN67	Ban quản lý DAĐTXD&PTQĐ, UBND huyện Sơn Hà	26	Miễn thi	-	
103	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	20/8/1980	VCN68	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26	9	-	
104	Nguyễn Thị	Lệ	12/9/1987	VCN69	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp	15	12	-	
105	Huỳnh Thị	Lệ	26/7/1982	VCN70	Ban quản lý DAĐTXD&PTQĐ, UBND huyện Sơn Hà	32	16	70	
106	Bùi Hồng	Minh	11/5/1979	VCN71	Bệnh viện đa khoa tỉnh, Sở Y tế	22	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
107	Trần Thị Yến	Nhung	24/9/1985	VCN72	Trung tâm Y tế huyện Minh Long, Sở Y tế	60	27	73	
108	Nguyễn Đăng	Phú	29/8/1987	VCN73	Ban quản lý Chợ Chùa, UBND huyện Nghĩa Hành	40	19	79	
109	Nguyễn Thị	Sô	06/11/1982	VCN74	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao, UBND huyện Lý Sơn	10	12	-	
110	Đinh Thị	Tài	02/3/1973	VCN75	Hội Chữ thập đỏ, UBND huyện Sơn Tây	16	-	-	
111	Nguyễn Tấn	Tín	05/01/1975	VCN76	BQL DA ĐTXD & PTQĐ, UBND huyện Sơn Tây	42	Miễn thi	58	
112	Phạm Thị	Tĩnh	17/12/1983	VCN77	Trung tâm Y tế huyện Minh Long, Sở Y tế	40	29	72	
113	Trịnh Xuân	Tường	25/4/1980	VCN78	Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	55	16	73	
114	Lê Thị Hoài	Thanh	02/01/1983	VCN79	Trung tâm Y tế TP Quảng Ngãi, Sở Y tế	26	17	-	
115	Phạm Thị Ngọc	Thanh	20/11/1988	VCN80	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	20	-	-	
116	Trương Thị	Thảo	23/10/1975	VCN81	Trung tâm Lưu trữ Lịch sử, Sở Nội vụ	34	20	58	
117	Lê Thị Phương	Thảo	20/01/1989	VCN82	TT Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	44	25	80	
118	Bùi Thị Ngọc	Trang	12/02/1980	VCN83	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	54	18	55	
119	Đinh Minh	Trí	30/11/1980	VCN84	TT Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	25	Miễn thi	-	
120	Trần Đình	Trung	15/7/1977	VCN85	Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND huyện Bình Sơn	55	18	57	
121	Lê Thị Kim	Vang	24/8/1985	VCN86	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	57	22	67	
122	Dương Hiền Hoàng	Viên	10/01/1984	VCN87	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	30	20	55	
123	Ngô Thị	Vy	06/5/1985	VCN88	Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	20	18	-	
124	Ngô Hữu	Vỹ	32932	VCN89	Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23	-	-	
125	Trần Thị Ngọc	Bích	02/6/1978	VCN92	Trường THPT số 2 Đức Phổ, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	Miễn thi	69	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
126	Nguyễn Thanh	Bình	23/11/1988	VCN93	Trường THPT Phạm Kiệt, Sở Giáo dục và Đào tạo	25	Miễn thi	-	
127	Vũ Thị Kim	Chi	02/10/1984	VCN94	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	Miễn thi	53	
128	Nguyễn Thị	Diễm	05/11/1984	VCN95	Trường THCS Nguyễn Trãi, UBND huyện Mộ Đức	24	Miễn thi	-	
129	Huỳnh Thị	Điễm	01/01/1989	VCN96	Trường Mầm non Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	34	Miễn thi	62	
130	Võ Thị	Đông	20/6/1986	VCN97	Trường TH&THCS Bắc Phong, UBND huyện Mộ Đức	25	Miễn thi	-	
131	Nguyễn Lê Liên	Hạ	13/4/1978	VCN98	Trường THCS Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	23	Miễn thi	-	
132	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/4/1987	VCN99	Trường Tiểu học Đức Hòa, UBND huyện Mộ Đức	30	Miễn thi	58	
133	Phan Thị Lệ	Hoà	07/7/1985	VCN100	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	37	Miễn thi	78	
134	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/9/1977	VCN101	Trường Mầm non Đức Tân, UBND huyện Mộ Đức	56	Miễn thi	57	
135	Nguyễn Thị	Hồng	15/8/1983	VCN102	Trường THCS Đức Hiệp, UBND huyện Mộ Đức	30	Miễn thi	60	
136	Võ Thị Ngọc	Huệ	06/02/1984	VCN103	Trường THPT Vạn Tường, Sở Giáo dục và Đào tạo	25	Miễn thi	-	
137	Đoàn Thị	Kiều	25/9/1980	VCN104	Trường TH Thị trấn Mộ Đức, UBND huyện Mộ Đức	32	Miễn thi	70	
138	Nguyễn Thị Bích	Liễu	20/3/1978	VCN105	Trường THPT Trần Quang Diệu, Sở Giáo dục và Đào tạo	18	Miễn thi	-	
139	Lý Thị	Mai	14/02/1984	VCN106	Trường TH Trần Phú, UBND thành phố Quảng Ngãi	26	Miễn thi	-	
140	Nguyễn Thị	Nhạn	04/6/1979	VCN107	Trường Tiểu học Đức Minh, UBND huyện Mộ Đức	18	Miễn thi	-	
141	Huỳnh Thị Kim	Quyên	20/4/1986	VCN108	Trường THCS Đức Phú, UBND huyện Mộ Đức	33	Miễn thi	65	
142	Đinh Thị	Sa	17/02/1982	VCN109	Trường THPT Minh Long, Sở Giáo dục và Đào tạo	29	Miễn thi	-	
143	Lê Thị Minh	Sương	14/7/1984	VCN110	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành, Sở Y tế	17	Miễn thi	-	
144	Võ Thị Thu	Thật	23/4/1989	VCN111	Trường THPT Sơn Mỹ, Sở Giáo dục và Đào tạo	31	Miễn thi	53	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
145	Phạm Thị Thanh	Thúy	02/8/1979	VCN112	Trường THPT Lê Quý Đôn, Sở Giáo dục và Đào tạo	38	Miễn thi	80	
146	Nguyễn Thị Kim	Thư	19/9/1980	VCN113	Trường THCS Tịnh An, UBND thành phố Quảng Ngãi	16	Miễn thi	-	
147	La Thị Mỹ	Trang	15/11/1981	VCN114	Trường Tiểu học Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	39	Miễn thi	73	
148	Trần Tuấn	Anh	06/10/1987	VCN115	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	29	Miễn thi	-	
149	Nguyễn Hữu	Bảo	01/11/1987	VCN116	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND thị xã Đức Phổ	30	24	70	
150	Vương Hữu Tân	Cảnh	1977	VCN117	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Trà Bồng	15	21	-	
151	Lương Văn	Đài	1977	VCN118	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Trà Bồng	24	Miễn thi	-	
152	Nguyễn Tiến	Hoàng	12/12/1972	VCN119	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Tây	37	Miễn thi	90	
153	Trương Đình	Nho	04/9/1978	VCN120	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Lý Sơn	44	21	83	
154	Nguyễn	Phát	19/10/1986	VCN121	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Bình Sơn	31	20	76	
155	Lê Văn	Phúc	30/8/1987	VCN122	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Tây	37	Miễn thi	82	
156	Phạm Quang	Quân	04/01/1984	VCN123	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	19	24	-	
157	Ngô Hữu	Tường	12/10/1979	VCN124	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	38	Miễn thi	91	
158	Đào Thanh	Tý	1984	VCN125	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Tịnh	26	26	-	
159	Lương Thị Kim	Thùy	17/5/1984	VCN126	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Nghĩa Hành	39	20	70	
160	Nguyễn Thị	Thúy	05/5/1985	VCN127	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	24	Miễn thi	-	
161	Nguyễn Xuân	Vinh	02/7/1986	VCN128	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	29	Miễn thi	-	
162	Trần Như	Châu	20/6/1986	VCN129	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	35	Miễn thi	69	
163	Nguyễn	Giang	13/9/1984	VCN130	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Minh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường	34	28	73	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
164	Ngô Thanh	Hải	08/01/1983	VCN131	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh thành phố QN, Sở Tài nguyên và Môi trường	37	19	63	
165	Phạm Trung	Lượng	11/8/1984	VCN132	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	32	Miễn thi	65	
166	Tổng Đình	Lương	25/11/1978	VCN133	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	21	Miễn thi	-	
167	Dương Thị Thu	Nường	01/10/1986	VCN134	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	21	Miễn thi	-	
168	Phạm Quốc	Nguyên	30/12/1979	VCN135	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Hà, Sở Tài nguyên và Môi trường	21	Miễn thi	-	
169	Lâm Văn	Phú	18/12/1972	VCN136	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Tịnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	41	19	52	
170	Cao Ngọc	Thanh	01/5/1984	VCN137	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Tịnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	32	Miễn thi	65	
171	Vi Vũ	Thúy	09/6/1986	VCN138	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Hà, Sở Tài nguyên và Môi trường	25	Miễn thi	-	
172	Võ Thị Anh	Thư	24/8/1988	VCN139	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Minh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường	26	20	-	
173	Nguyễn Quốc	Thái	28/10/1980	VCN140	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	25	Miễn thi	-	
174	Lê Quang	Thành	31/8/1988	VCN141	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	31	Miễn thi	80	
175	Trần Thị Ngọc	Thương	15/9/1980	VCN142	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	30	Miễn thi	81	
176	Nguyễn Thượng	Đăng	01/11/1984	VCN143	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Trà Bồng, Sở Tài nguyên và Môi trường	33	19	82	
177	Đoàn Minh	Hoàng	08/7/1975	VCN144	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Trà Bồng, Sở Tài nguyên và Môi trường	52	Miễn thi	79	
178	Nguyễn Thị Phương	Dung	07/9/1983	VCN145	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	17	80	
179	Nguyễn Anh	Đạt	29/2/21	VCN146	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25	10	-	
180	Đinh Thị Minh	Hải	26/11/1985	VCN147	BQL Khu chiến tích Sơn Mỹ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	Miễn thi	81	
181	Phạm Thị Thu	Hiền	17/12/1987	VCN148	BQL Khu chiến tích Sơn Mỹ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	27	9	-	
182	Trương Ngọc	Nam	02/5/1984	VCN149	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19	10	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
183	Nguyễn Đức	Phong	20/6/1972	VCN150	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	33	22	65	
184	Lê	Trình	27/7/1980	VCN151	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Mộ Đức	34	15	63	
185	Nguyễn Thị	Hải	08/10/1984	VCN152	Trường TH số 2 Bình Châu, UBND huyện Bình Sơn	32	10	-	
186	Lương Thị Tuyết	Ngân	6/10/1990	VCN153	Thư viện Tổng hợp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	13	-	
187	Trần Thị Minh	Nghìn	06/9/1983	VCN154	Thư viện Tổng hợp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19	14	-	
188	Bùi Thị Na	Sa	05/02/1986	VCN155	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	19	87	
189	Trần Thị Nữ	Vương	06/9/1985	VCN156	Trung tâm TT-VH-TT, UBND thị xã Đức Phổ	37	19	93	
190	Cao Thị Tý	Phượng	24/4/1985	VCN157	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	27	11	-	
191	Nguyễn Trung	Trực	15/6/1989	VCN158	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	34	Miễn thi	70	
192	Đoàn Thanh	Tuấn	07/01/1983	VCN159	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Nghĩa Hành	33	22	85	
193	Đoàn Lệ	Ái	12/8/1988	VCN160	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35	23	65	
194	Phạm Thị	An	10/10/1979	VCN161	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	26	-	-	
195	Nguyễn Thị Trúc	Anh	24/12/1991	VCN162	Trường TH&THCS Ba Lẽ, UBND huyện Ba Tơ	43	Miễn thi	68	
196	Cao Mai	Anh	1989	VCN163	Trường Mầm non Trà Phong, UBND huyện Trà Bồng	41	17	72	
197	Phạm Thị Xuân	Ba	20/11/1986	VCN164	Trường TH&THCS xã Bình Chương, UBND huyện Bình Sơn	34	20	60	
198	Lê Thị Thanh	Ba	23/01/1980	VCN165	Trường THCS Hành Tín Đông, UBND huyện Nghĩa Hành	33	25	69	
199	Trần Thị	Ba	20/12/1974	VCN166	Trường Trung học cơ sở thị trấn La Hà, UBND huyện Tư Nghĩa	31	19	65	
200	Trịnh Thị Ngọc	Bích	07/8/1979	VCN167	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	30	24	64	
201	Trần Thị Ngọc	Bình	20/10/1985	VCN168	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	49	27	59	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
202	Ngô Thị	Búp	16/6/1989	VCN169	Trường Tiểu học Hành Tín Tây, UBND huyện Nghĩa Hành	26	-	-	
203	Nguyễn Thị Thanh	Bừu	15/9/1987	VCN170	Trường Tiểu học Bình Trị, UBND huyện Bình Sơn	30	23	59	
204	Trần Thị Lệ	Công	24/4/1983	VCN171	Đội Quản lý Trật tự đô thị, UBND thành phố Quảng Ngãi	32	27	61	
205	Lê Thị	Cơ	21/01/1984	VCN172	Trường THCS An Hải, UBND huyện Lý Sơn	34	24	55	
206	Nguyễn Thị Kim	Cương	20/02/1980	VCN173	Trường Tiểu học Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	26	-	-	
207	Phạm Đình Hải	Châu	20/6/1985	VCN174	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	32	26	75	
208	Trần Thị Việt	Châu	04/01/1983	VCN175	Trường Mầm non Đức Tân, UBND huyện Mộ Đức	28	-	-	
209	Nguyễn Thị Hồng	Châu	15/12/1988	VCN176	Trường THCS Nghĩa Dũng, UBND thành phố Quảng Ngãi	42	26	65	
210	Phan Thị Phương	Chi	12/01/1990	VCN177	Trường Mầm non Ba Bích, UBND huyện Ba Tơ	28	-	-	
211	Trần Thị Yên	Chi	25/8/1990	VCN178	Trường Tiểu học Bình Thanh, UBND huyện Bình Sơn	44	25	59	
212	Phạm Thị	Chi	10/02/1981	VCN179	Trường THCS Bình Minh, UBND huyện Bình Sơn	22	-	-	
213	Võ Viết	Chinh	02/10/1985	VCN180	Trường TH&THCS Nghĩa Dũng, UBND thành phố Quảng Ngãi	26	-	-	
214	Tô Đức	Chinh	06/10/1977	VCN181	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ, Sở Y tế	37	21	58	
215	Từ Thị	Chung	20/01/1986	VCN182	Trường THPT Ba Gia, Sở Giáo dục và Đào tạo	24	-	-	
216	Phạm Thị	Chung	20/8/1987	VCN183	Trường Tiểu học xã Bình Mỹ, UBND huyện Bình Sơn	33	24	72	
217	Nguyễn Văn	Chung	10/6/1986	VCN184	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Tân, UBND huyện Sơn Tây	39	Miễn thi	65	
218	Trương Thị	Danh	30/4/1982	VCN185	Trung Tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao, UBND huyện Lý Sơn	28	20	-	
219	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	1983	VCN186	Trường Mầm non Hoa sen, UBND huyện Trà Bồng	21	Miễn thi	-	
220	Tôn Thị Thu	Diễm	12/6/1987	VCN187	Trường Mầm non Nghĩa Trung, UBND huyện Tư Nghĩa	30	26	67	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
221	Lê Thị Phương	Dung	26/10/1988	VCN188	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh, Sở Tư pháp	22	-	-	
222	Hồng Thị	Dung	14/10/1983	VCN189	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	29	-	-	
223	Bạch Phương	Dung	04/10/1991	VCN190	Trường Tiểu học số 2 Bình Minh, UBND huyện Bình Sơn	32	21	70	
224	Huỳnh Thị Phương	Dung	09/9/1982	VCN191	Trường THCS Hành Nhân, UBND huyện Nghĩa Hành	26	-	-	
225	Huỳnh Thị Kim	Dung	04/02/1973	VCN192	Trường THCS Trần Hưng Đạo, UBND thành phố Quảng Ngãi	20	-	-	
226	Hồ Thị Mỹ	Dung	24/10/1973	VCN193	Trường THCS Chánh Lộ, UBND thành phố Quảng Ngãi	29	-	-	
227	Đoàn Thị Mỹ	Dung	11/12/1982	VCN194	Trường TH Phố An, UBND thành phố Quảng Ngãi	37	27	53	
228	Nguyễn Trí	Dũng	20/11/1988	VCN195	Trường TH Số 1 An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	38	21	72	
229	Lê Đình	Dũng	03/02/1983	VCN196	Trường THCS Nguyễn Nghiêm, UBND thành phố Quảng Ngãi	35	19	59	
230	Trương Thị Bích	Đào	16/12/1984	VCN197	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	22	58	
231	Lâm Thị	Đào	14/4/1982	VCN198	Trường Tiểu học Tú Sơn, UBND huyện Mộ Đức	30	25	55	
232	Phạm Văn	Đẹp	10/10/1990	VCN199	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Trang, UBND huyện Ba Tơ	28	Miễn thi	-	
233	Phan Thị	Đến	18/7/1984	VCN200	Trường Tiểu học Tân An, UBND huyện Tư Nghĩa	22	-	-	
234	Nguyễn Thị Phương	Đi	12/7/1988	VCN201	Trường Mầm non Thanh An, UBND huyện Minh Long	23	-	-	
235	Trương Thị	Đông	03/01/1983	VCN202	Trường TH Quảng Phú 2, UBND thành phố Quảng Ngãi	24	-	-	
236	Ngô Thị	Đức	17/01/1986	VCN203	Trường TH Số 1 An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	23	-	-	
237	Nguyễn Thị Trà	Giang	17/11/1992	VCN204	Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	33	25	57	
238	Phan Thị	Giang	20/4/1987	VCN205	Trường Mầm non Nghĩa Hòa, UBND huyện Tư Nghĩa	27	-	-	
239	Trần Thị Như	Hà	12/02/1987	VCN206	Trường THPT Thu Xà, Sở Giáo dục và Đào tạo	22	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
240	Trần Thị Thu	Hà	21/7/1982	VCN207	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	23	Miễn thi	-	
241	Cao Thị Thu	Hà	08/9/1987	VCN208	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây, Sở Y tế	22	-	-	
242	Nguyễn Thị Bích	Hà	20/4/1984	VCN209	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, Sở Y tế	33	23	56	
243	Trần Thị Thu	Hà	10/02/1984	VCN210	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và PTQĐ, UBND huyện Minh Long	32	25	71	
244	Tạ Thị Hồng	Hà	28/12/1985	VCN211	Trường TH Nghĩa Chánh, UBND thành phố Quảng Ngãi	29	-	-	
245	Lý Đình Xuân	Hải	10/02/1981	VCN213	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	21	-	-	
246	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	06/8/1986	VCN214	Trường Tiểu học Hành Thuận, UBND huyện Nghĩa Hành	29	18	-	
247	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	02/02/1975	VCN215	Trường MN Tịnh An, UBND thành phố Quảng Ngãi	22	-	-	
248	Nguyễn Đăng	Hào	01/01/1985	VCN216	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	22	64	
249	Trương Thúy	Hằng	20/10/1985	VCN217	Trường THPT Vạn Tường, Sở Giáo dục và Đào tạo	26	10	-	
250	Lê Thị Kim	Hằng	03/5/1978	VCN218	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	42	19	52	
251	Lê Thu	Hằng	03/5/1988	VCN219	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm, UBND thị xã Đức Phổ	27	-	-	
252	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/9/1985	VCN220	Trường THCS Phố Hòa, UBND thị xã Đức Phổ	36	17	74	
253	Trần Thị Thu	Hằng	23/9/1986	VCN221	Trường Tiểu học Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	30	17	59	
254	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	02/02/1982	VCN222	Trường MN Hành Tín Đông, UBND huyện Nghĩa Hành	31	18	75	
255	Đoàn Thị Thúy	Hằng	01/01/1981	VCN223	Trường Mầm non Hành Dũng, UBND huyện Nghĩa Hành	24	0	-	
256	Đoàn Thị Thu	Hằng	1985	VCN224	Trường Tiểu học Trà Bình, UBND huyện Trà Bồng	35	Miễn thi	67	
257	Nguyễn Thị	Hân	08/11/1978	VCN225	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	22	Miễn thi	-	
258	Nguyễn Thị Thu	Hân	28/8/1984	VCN226	Trường Tiểu học Phố Vinh, UBND thị xã Đức Phổ	34	14	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
259	Nguyễn Thị	Hiền	02/02/1984	VCN227	Trường Mầm non Long Môn, UBND huyện Minh Long	25	9	-	
260	Ngô Thị Kim	Hiền	09/3/1989	VCN228	Trường Tiểu học Hành Đức, UBND huyện Nghĩa Hành	28	9	-	
261	Nguyễn Thị	Hiền	1978	VCN229	Trường THCS TT Trà Xuân, UBND huyện Trà Bồng	22	-	-	
262	Trần Thị	Hiệp	08/5/1981	VCN230	Trường Mầm non An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	30	21	75	
263	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	10/9/1981	VCN231	TrườngTHCS Minh Thạnh, UBND huyện Mộ Đức	29	8	-	
264	Huỳnh Thị Kim	Hoa	01/01/1983	VCN232	Trường TH Nghĩa Dũng, UBND thành phố Quảng Ngãi	29	16	-	
265	Trần Lê Phương Nghĩa	Hòa	20/10/1989	VCN233	Bảo tàng Tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40	21	59	
266	Nguyễn Thị	Hòa	01/01/1983	VCN234	Trường THPT Võ Nguyên Giáp, Sở Giáo dục và Đào tạo	35	19	61	
267	Phạm Xuân	Hoàng	10/01/1976	VCN235	Hội Nạn nhân chất độc Da cam Dioxin	59	20	85	
268	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	21/01/1989	VCN236	Trường Tiểu học thị trấn Di Lăng số II, UBND huyện Sơn Hà	31	17	77	
269	Lê Thị	Hồi	21/12/1976	VCN237	Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	59	Miễn thi	60	
270	Bùi Thị Ánh	Hồng	06/3/1982	VCN238	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	50	25	55	
271	Hồ Thị Ánh	Hồng	1986	VCN239	Trường TH Tịnh Bắc, UBND huyện Sơn Tịnh	29	-	-	
272	Võ Thị	Hồng	1987	VCN240	Trường PTDTBT TH Trà Thanh, UBND huyện Trà Bồng	22	-	-	
273	Võ Thị Song	Hồng	25/01/1988	VCN241	Trường Mầm non Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	43	25	62	
274	Trần Thị Quý	Hội	28/01/1983	VCN242	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	27	-	-	
275	Phan Thị	Hợp	20/8/1979	VCN243	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	29	-	-	
276	Vi Thị Kim	Huệ	04/5/1989	VCN244	Trường Mầm non thị Trấn Sông Vệ, UBND huyện Tư Nghĩa	29	-	-	
277	Nguyễn Duy	Hùng	25/10/1983	VCN245	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	24	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
278	Bùi Thị Hoàng	Huyền	17/02/1990	VCN246	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành, Sở Y tế	38	26	65	
279	Hạ Thị	Huyền	02/8/1985	VCN247	Trường Tiểu học Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	30	23	56	
280	Trần Thị Lệ	Huyền	29/12/1983	VCN248	Trung tâm Kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất, Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	28	-	-	
281	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/01/1984	VCN249	PTDTBT TH&THCS Ba Giang, UBND huyện Ba Tơ	25	Miễn thi	-	
282	Đặng Thị Thu	Hương	09/10/1986	VCN250	Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	49	26	62	
283	Võ Thị	Hương	15/10/1987	VCN251	Trường Tiểu học số II An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	29	-	-	
284	Nguyễn Thị Minh	Hữu	1984	VCN252	Trường MN Tịnh Giang, UBND huyện Sơn Tịnh	18	-	-	
285	Nguyễn Thị	Kiều	10/11/1982	VCN253	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	20	59	
286	Nguyễn Thị	Kiều	20/3/1991	VCN254	Trường TH&THCS xã Bình Khương, UBND huyện Bình Sơn	33	23	52	
287	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	17/7/1979	VCN255	Trường THCS Bình Thanh, UBND huyện Bình Sơn	36	27	54	
288	Trần Thị Thủy	Kiều	22/11/1984	VCN256	Trường Mầm non Đức Thắng, UBND huyện Mộ Đức	20	-	-	
289	Võ Thị	Kiều	04/8/1985	VCN257	Trường TH Chánh Lộ, UBND thành phố Quảng Ngãi	27	-	-	
290	Nguyễn Trần Bạch	Kim	17/5/1987	VCN258	Trường Mầm non Nghĩa Kỳ, UBND huyện Tư Nghĩa	23	-	-	
291	Tạ Thị Nguyên	Khôi	04/5/1979	VCN259	Trường THCS Nghĩa Chánh, UBND thành phố Quảng Ngãi	36	24	51	
292	Trinh Thị	Khuyên	09/10/1987	VCN260	Trường Mẫu giáo Sơn Ba, UBND huyện Sơn Hà	25	Miễn thi	-	
293	Nguyễn Thị	Khuyên	10/11/1990	VCN261	Trường Mầm non Sao Mai, UBND huyện Tư Nghĩa	38	21	60	
294	Ngô Thị	Khương	05/12/1983	VCN262	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	50	22	59	
295	Huỳnh Thị	Lai	05/8/1974	VCN263	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	20	58	
296	Phạm Thị Thu	Lài	29/01/1984	VCN264	Trường Tiểu học Hành Thịnh, UBND huyện Nghĩa Hành	31	21	53	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
297	Nguyễn Duy	Lam	10/3/1974	VCN265	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây, Sở Y tế	29	12	-	
298	Nguyễn Thị Kim	Lan	28/5/1975	VCN266	Trường THCS Bình Mỹ, UBND huyện Bình Sơn	42	28	60	
299	Đỗ Thị Ngọc	Lan	12/12/1984	VCN267	Trường Tiểu học Đức Tân, UBND huyện Mộ Đức	57	23	59	
300	Đinh Thị Ngọc	Lan	1978	VCN268	Trường TH Tịnh Trà, UBND huyện Sơn Tịnh	32	21	54	
301	Vi Thị Kim	Lan	26/3/1978	VCN269	Trường MN Tịnh Khê, UBND thành phố Quảng Ngãi	29	-	-	
302	Phạm Thị	Lan	1985	VCN270	Kế toán Trường Mẫu giáo Trà Lâm, UBND huyện Trà Bồng	46	26	59	
303	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	1986	VCN271	Kế toán Trường PTDTBT THCS Trà Thanh, UBND huyện Trà Bồng	49	30	80	
304	Bùi Thị	Lành	19/9/1982	VCN272	Kế toán Trường Trung học cơ sở Nghĩa Kỳ, UBND huyện Tư Nghĩa	28	-	-	
305	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	1986	VCN273	Trường TH Tịnh Hiệp, UBND huyện Sơn Tịnh	35	17	62	
306	Phùng Thị	Liên	27/7/1984	VCN274	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	35	17	80	
307	Lê Thị Kim	Liên	22/02/1982	VCN275	Trường THCS Nguyễn Trãi, UBND huyện Mộ Đức	31	22	59	
308	Phạm Thị Bích	Liên	22/11/1984	VCN276	Trường MN 2/9, UBND thành phố Quảng Ngãi	47	16	56	
309	Võ Thị	Liên	1985	VCN277	Trường TH&THCS Trà Phú, UBND huyện Trà Bồng	42	18	59	
310	Võ Thị Thúy	Liễu	25/12/1982	VCN278	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành, Sở Giáo dục và Đào tạo	41	19	80	
311	Phạm Thị	Liễu	20/10/1985	VCN279	Trường Tiểu học Sơn Hạ số I, UBND huyện Sơn Hà	43	18	78	
312	Lê Thị Ngọc	Linh	18/10/1984	VCN280	Trường TH&THCS Ba Liên, UBND huyện Ba Tơ	31	Miễn thi	65	
313	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/9/1984	VCN281	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố, UBND thành phố Quảng Ngãi	30	16	74	
314	Lại Thị Hồng	Linh	24/3/1985	VCN282	Trường Mầm non Phố Hoà, UBND thị xã Đức Phổ	23	-	-	
315	Phạm Thị Kim	Loan	08/12/1983	VCN283	Trường THPT chuyên Lê Khiết, Sở Giáo dục và Đào tạo	29	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
316	Võ Thị Cẩm	Loan	31/12/1978	VCN284	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	18	60	
317	Võ Thị Mai	Loan	17/11/1981	VCN285	Trường THCS Bình Hiệp, UBND huyện Bình Sơn	38	17	70	
318	Nguyễn Thị	Loan	03/04/1987	VCN286	Trường Tiểu học Hành Minh, UBND huyện Nghĩa Hành	38	17	60	
319	Nguyễn Thị Thanh	Loan	16/3/1989	VCN287	Trường Mầm non Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	30	22	67	
320	Huỳnh Thị Kim	Lời	17/7/1981	VCN288	Trường THCS Hành Thiện, UBND huyện Nghĩa Hành	32	19	51	
321	Nguyễn Thị	Lợi	27/8/1987	VCN289	Quỹ Bảo trợ trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	26	-	-	
322	Huỳnh Tấn	Lợi	1985	VCN290	Trường THCS Tịnh Đông, UBND huyện Sơn Tịnh	28	-	-	
323	Lê Thị Minh	Luyện	1984	VCN291	Trường THCS Tịnh Bắc, UBND huyện Sơn Tịnh	35	18	75	
324	Đặng Thị Thúy	Lựu	1985	VCN292	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Sơn Tịnh	25	-	-	
325	Nguyễn Hương	Ly	16/8/1990	VCN293	Trường THPT Chu văn An, Sở Giáo dục và Đào tạo	36	19	60	
326	Nguyễn Thị Ánh	Ly	06/8/1987	VCN294	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	32	18	65	
327	Võ Thị Hải	Lý	01/01/1987	VCN295	Trường THPT số 2 Đức Phổ, Sở Giáo dục và Đào tạo	29	-	-	
328	Huỳnh Thị	Lý	02/8/1985	VCN296	Trường Tiểu học An Hải, UBND huyện Lý Sơn	-	-	-	Bỏ thi
329	Nguyễn Thị Hồng	Lý	14/08/1985	VCN297	Trường PTDTNT THCS Huyện Minh Long, UBND huyện Minh Long	32	22	80	
330	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/9/1992	VCN298	Trường TH&THCS xã Bình An, UBND huyện Bình Sơn	28	-	-	
331	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/5/1986	VCN299	Trường Mầm non An Hải, UBND huyện Lý Sơn	42	18	77	
332	Trương Thị Lệ	Mai	06/9/1983	VCN300	Trường Mầm non Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	41	16	55	
333	Bùi Thị	Mai	01/5/1971	VCN301	Trường MN Hoa Hồng, UBND thành phố Quảng Ngãi	27	24	-	
334	Nguyễn Thị	Mẫn	10/02/1986	VCN302	Trường Trung học cơ sở Phố An, UBND thị xã Đức Phổ	43	19	59	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
335	Trần Thị Hòa	Mi	26/02/1988	VCN303	Trường Mầm non Đức Nhuận, UBND huyện Mộ Đức	21	-	-	
336	Trần Thị Bình	Minh	18/10/1983	VCN304	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	29	-	-	
337	Đặng Thị Hồng	Minh	08/9/1989	VCN305	Trường Mầm non Nghĩa Hiệp, UBND huyện Tư Nghĩa	33	21	63	
338	Lê Thị Hiền	Mụi	1986	VCN306	Trường Tiểu học Trà Xinh, UBND huyện Trà Bồng	27	-	-	
339	Lê Thị Huyền	My	11/11/1986	VCN307	BQL KCT Sơn Mỹ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	17	77	
340	Trần Thị Trà	My	20/01/1992	VCN308	Trường TH số 2 Bình Châu, UBND huyện Bình Sơn	30	20	63	
341	Bùi Thị	Nữ	17/9/1986	VCN309	Trường Mẫu giáo Bình Hải, UBND huyện Bình Sơn	27	-	-	
342	Nguyễn Thị	Nương	30/12/1985	VCN310	Hội Người mù tỉnh	46	21	59	
343	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	19/09/1993	VCN311	Trường Mầm non Ba Thành, UBND huyện Ba Tơ	39	19	73	
344	Trần Thị Hồng	Nga	25/01/1981	VCN312	Trường THCS Bình Chánh, UBND huyện Bình Sơn	28	-	-	
345	Đặng Thị Mỹ	Nga	32767	VCN313	Trường Mầm non Bình Minh, UBND huyện Sơn Hà	37	23	69	
346	Đặng Thị Huỳnh	Nga	01/06/1983	VCN314	Trường TH&THCS Sơn Thủy, UBND huyện Sơn Hà	26	Miễn thi	-	
347	Nguyễn Thị Thanh	Nga	14/12/1988	VCN316	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, UBND thành phố Quảng Ngãi	46	Miễn thi	75	
348	Nguyễn Thị	Nga	02/02/1986	VCN317	Trường THCS Tịnh Ấn Tây, UBND thành phố Quảng Ngãi	46	23	75	
349	Trần Thị Thanh	Ngân	21/3/1982	VCN318	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	41	19	70	
350	Nguyễn Thị Tiền	Ngân	08/7/1986	VCN319	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng, Sở Y tế	38	20	62	
351	Lê Nguyễn Ngọc	Ngân	24/6/1981	VCN321	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Hiệp, UBND huyện Tư Nghĩa	40	19	53	
352	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	29/9/1986	VCN322	Trường Mầm non Phổ Quang, UBND thị xã Đức Phổ	-	-	-	Bỏ thi
353	Lê Thị Như	Ngọc	20/10/1987	VCN323	Trường TH&THCS Sơn Bao, UBND huyện Sơn Hà	27	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
354	Hồ Thị Bích	Ngọc	1987	VCN324	Trường Mầm non 28/8, UBND huyện Trà Bồng	28	-	-	
355	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1983	VCN325	BQL cụm Công nghiệp, UBND huyện Bình Sơn	48	20	74	
356	Bùi Thị	Nguyên	20/10/1988	VCN326	Đội Quản lý TTXD,ĐT&MT, UBND huyện Lý Sơn	35	20	70	
357	Nguyễn Lệ	Nguyên	04/3/1989	VCN327	Trường mầm non Đức Hoà, UBND huyện Mộ Đức	51	26	62	
358	Trần Thị Ánh	Nguyệt	13/6/1979	VCN328	Trung tâm Truyền thông - Văn hoá - Thể thao thị xã, UBND thị xã Đức Phổ	30	20	55	
359	Trương Võ Hoài Minh	Nguyệt	01/02/1984	VCN329	Trường Mầm non Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	33	23	51	
360	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	09/11/1981	VCN330	Trường MN Tịnh Kỳ, UBND thành phố Quảng Ngãi	23	-	-	
361	Võ Thị Ánh	Nguyệt	20/4/1988	VCN331	Trường Mầm non Nghĩa Thọ, UBND huyện Tư Nghĩa	37	26	58	
362	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	13/02/1985	VCN332	Hội Nhà báo	44	24	58	
363	Phùng Thị Kim	Nhung	25/12/1982	VCN333	Trường Mầm non Phổ Thạnh, UBND thị xã Đức Phổ	-	-	-	Bỏ thi
364	Lâm Thị Tuyết	Nhung	10/10/1985	VCN334	Trường TH Đức Thạnh, UBND huyện Mộ Đức	27	-	-	
365	Bùi Thị Tuyết	Nhung	20/02/1988	VCN335	Trường THCS Nguyễn Bá Loan, UBND huyện Mộ Đức	36	18	56	
366	Nguyễn Thị	Nhung	08/3/1977	VCN336	Trường TH&THCS Trần Quý Hai, UBND thành phố Quảng Ngãi	27	-	-	
367	Lê Minh	Phong	09/9/1986	VCN337	Trường THPT Trần Quang Diệu, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	22	64	
368	Nguyễn Thị	Phong	02/01/1986	VCN338	Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Trà, UBND huyện Trà Bồng	26	-	-	
369	Nguyễn Thị Hà	Phú	02/5/1972	VCN339	Trường TH Lê Hồng Phong, UBND thành phố Quảng Ngãi	25	-	-	
370	Nguyễn Thị	Phụng	27/11/1979	VCN340	Trường THCS Võ Bẩm, UBND thành phố Quảng Ngãi	33	23	57	
371	Nguyễn Thị	Phước	30/4/1985	VCN341	Trường THCS An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	18	-	-	
372	Lâm Hữu	Phước	1986	VCN342	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao, UBND huyện Trà Bồng	38	20	66	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
373	Trần Thị Hoài	Phương	28/10/1981	VCN343	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	24	65	
374	Văn Phan Ngọc	Phương	03/5/1981	VCN344	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	21	57	
375	Nguyễn Thị Xuân	Phương	21/6/1980	VCN345	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	16	-	-	
376	Nguyễn Thị	Phương	04/4/1987	VCN346	Trường TH&THCS Sơn Trung, UBND huyện Sơn Hà	33	17	62	
377	Nguyễn Thị Diễm	Phương	24/6/1981	VCN347	Trường THCS Sơn Linh, UBND huyện Sơn Hà	31	24	63	
378	Nguyễn Thị Hồng	Phương	02/10/1984	VCN348	Trường TH Tịnh An, UBND thành phố Quảng Ngãi	35	27	56	
379	Bùi Thị Mỹ	Phượng	02/7/1983	VCN349	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	27	-	-	
380	Lê Thị Cẩm	Phượng	25/3/1985	VCN350	Trường Tiểu học Bình Dương, UBND huyện Bình Sơn	32	18	61	
381	Trương Thị	Phượng	10/6/1985	VCN351	Trường Tiểu học số 3 Phố Thạnh, UBND thị xã Đức Phổ	32	17	52	
382	Dương Thị Kim	Phượng	02/02/1989	VCN352	Trường THCS Long Mai, UBND huyện Minh Long	36	23	54	
383	Phạm Thị Hồng	Phượng	16/01/1978	VCN353	Trường Tiểu học Bồ Đề, UBND huyện Mộ Đức	27	-	-	
384	Đỗ Thị Minh	Phượng	08/6/1986	VCN354	Trường Tiểu học Sơn Kỳ, UBND huyện Sơn Hà	27	-	-	
385	Đỗ Thị Mai	Phượng	17/9/1983	VCN355	Trường MN Bình Minh, UBND thành phố Quảng Ngãi	21	-	-	
386	Bùi Diệu	Quang	25/01/1986	VCN356	Trường Tiểu Học Ba Tô, UBND huyện Ba Tô	40	Miễn thi	70	
387	Nguyễn Thị	Quyên	13/04/1993	VCN357	Trường Mầm non Ba Nam, UBND huyện Ba Tô	38	26	66	
388	Phan Thị Thu	Quyên	1985	VCN358	Trường PTDTBT THCS Trà Tây, UBND huyện Trà Bồng	29	Miễn thi	-	
389	Huỳnh Thị Việt	Quỳnh	03/10/1986	VCN359	Trường Tiểu học Ba Cung, UBND huyện Ba Tô	36	Miễn thi	65	
390	Võ Thị Thu	Sang	1991	VCN360	Trường THCS Tịnh Sơn, UBND huyện Sơn Tịnh	36	20	76	
391	Võ Thị	Sang	31/10/1985	VCN361	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	32	24	70	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
392	Phạm Thị Thu	Sương	23/9/1985	VCN362	Trường THPT Nguyễn Công Phương, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	26	57	
393	Võ Thị	Sương	12/4/1989	VCN363	Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm, UBND thị xã Đức Phổ	25	-	-	
394	Nguyễn Thị Thúy	Sương	1985	VCN364	Trường TH Tịnh Minh, UBND huyện Sơn Tịnh	32	22	56	
395	Lê Thị Vân	Sương	14/9/1976	VCN365	Trường Tiểu học Nghĩa Mỹ, UBND huyện Tư Nghĩa	24	-	-	
396	Huỳnh Thị	Tâm	02/10/1986	VCN366	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43	22	75	
397	Lê Thị Minh	Tâm	1983	VCN367	MN Tịnh Bình, UBND huyện Sơn Tịnh	26	-	-	
398	Nguyễn Thị Khánh	Tâm	02/01/1981	VCN368	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	42	25	65	
399	Nguyễn Đức	Tiên	15/02/1973	VCN369	Trường THCS Thanh An, UBND huyện Minh Long	17	-	-	
400	Đặng Thị Mỹ	Tiên	1981	VCN370	Trường THCS Tịnh Thọ, UBND huyện Sơn Tịnh	30	24	61	
401	Võ Thanh	Tiếp	20/6/1980	VCN371	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng, UBND huyện Mộ Đức	32	25	61	
402	Võ Hồng	Tín	15/4/1981	VCN372	Trường THCS Quảng Phú, UBND thành phố Quảng Ngãi	36	23	71	
403	Bùi Hữu	Tín	01/8/1982	VCN373	Trường TH&THCS xã Bình Tân Phú, UBND huyện Bình Sơn	35	18	58	
404	Lê Ngọc	Toàn	06/4/1986	VCN374	Trường Phổ thông DTNT THCS Ba Tơ, UBND huyện Ba Tơ	43	Miễn thi	80	
405	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/12/1984	VCN375	Trường Tiểu học Đức Minh, UBND huyện Mộ Đức	23	-	-	
406	Lê Thị Thanh	Tuyền	01/01/1982	VCN376	Trường Mầm non Hành Phước, UBND huyện Nghĩa Hành	30	21	66	
407	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	02/02/1985	VCN377	Trường THCS Hành Trung, UBND huyện Nghĩa Hành	27	-	-	
408	Lê Thị Xuân	Tươi	01/3/1985	VCN378	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	22	58	
409	Nguyễn Hà	Thạch	06/3/1989	VCN379	Trường TH&THCS Ba Bích, UBND huyện Ba Tơ	35	Miễn thi	55	
410	Phạm Thị	Thanh	14/01/1985	VCN380	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	19	52	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
411	Nguyễn Thị Bình	Thanh	19/3/1989	VCN381	Trường Tiểu học thị trấn Di Lăng số I, UBND huyện Sơn Hà	36	20	61	
412	Huỳnh Kim	Thành	13/11/1985	VCN382	Trung tâm TT-VH-TT huyện Sơn Hà, UBND huyện Sơn Hà	35	25	53	
413	Lê Thị Tường	Thành	1983	VCN383	Trường Mầm non Trà Thủy, UBND huyện Trà Bồng	31	25	56	
414	Nguyễn Thị Phương	Thao	16/02/1984	VCN384	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	27	-	-	
415	Trần Thị Thu	Thảo	05/5/1992	VCN385	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27	-	-	
416	Lý Thị Thiện	Thảo	04/01/1987	VCN386	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập, Sở Giáo dục và Đào tạo	57	22	73	
417	Trương Dương	Thảo	16/6/1985	VCN387	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN	39	22	63	
418	Phạm Thị Kim	Thảo	20/11/1987	VCN388	Trường Mầm non Bình Tân Phú, UBND huyện Bình Sơn	26	-	-	
419	Đoàn Thị	Thảo	31705	VCN389	Trường Mầm non Phố Thuận, UBND thị xã Đức Phổ	35	23	56	
420	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/5/1981	VCN390	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất, UBND thị xã Đức Phổ	40	24	56	
421	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/3/1985	VCN391	Trường MN Long Mai, UBND huyện Minh Long	35	23	51	
422	Huỳnh Thị Kim	Thảo	19/3/1983	VCN392	Trường Mầm non Đức Hiệp, UBND huyện Mộ Đức	37	27	53	
423	Tạ Thị Thanh	Thảo	20/02/1985	VCN393	Trường TH Nghĩa Lộ, UBND thành phố Quảng Ngãi	30	21	53	
424	Trần Thị Bích	Thảo	20/5/1980	VCN394	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Điền, UBND huyện Tư Nghĩa	24	-	-	
425	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/10/1983	VCN395	Trường Tiểu học thị trấn La Hà, UBND huyện Tư Nghĩa	23	-	-	
426	Lê Thị Hồng	Thắm	29/01/1982	VCN396	Trường TH&THCS Lê Trung Đình, UBND thành phố Quảng Ngãi	25	-	-	
427	Nguyễn	Thắng	25/8/1976	VCN397	Trường Tiểu học Nghĩa Thọ, UBND huyện Tư Nghĩa	32	25	62	
428	Nguyễn Thị	Thế	02/6/1982	VCN398	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	44	23	51	
429	Trần Thị Bích	Thêm	24/4/1988	VCN399	Trường Mầm non Hành Thịnh, UBND huyện Nghĩa Hành	31	25	53	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
430	Phạm Thị Thanh	Thị	20/3/1989	VCN400	Trường Tiểu học Thạch Trụ, UBND huyện Mộ Đức	33	23	60	
431	Phạm Thị Mai	Thị	01/4/1989	VCN401	Trường MN Tịnh Thọ, UBND huyện Sơn Tịnh	25	-	-	
432	Huỳnh Thị Ngọc	Thị	1986	VCN402	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp, UBND huyện Trà Bồng	30	25	56	
433	Huỳnh Thị Thu	Thiểm	23/9/1984	VCN403	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	30	Miễn thi	56	
434	Huỳnh Quốc	Thiên	24/8/1984	VCN404	Trường TH&THCS Ba Bích, UBND huyện Ba Tơ	38	Miễn thi	65	
435	Trương Thị	Thiện	10/01/1988	VCN405	Trường THCS Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	26	-	-	
436	Lê Thị Thu	Thọ	31/5/1979	VCN406	Trường THCS Bình Đông, UBND huyện Bình Sơn	28	-	-	
437	Bùi Văn	Thu	02/9/1978	VCN407	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	-	-	
438	Bùi Thị	Thu	25/02/1984	VCN408	Trung tâm DVNN huyện Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	31	26	59	
439	Nguyễn Thị Kim	Thu	10/4/1984	VCN409	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, UBND huyện Nghĩa Hành	30	20	57	
440	Nguyễn Thị Hòa	Thuận	26/9/1987	VCN410	Trường TH số 1 Trương Quang Trọng, UBND thành phố Quảng Ngãi	52	21	83	
441	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/10/1986	VCN411	Trung tâm Y tế Quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn, Sở Y tế	25	-	-	
442	Vì Cẩm	Thùy	04/4/1989	VCN412	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29	-	-	
443	Phạm Thị	Thùy	20/8/1983	VCN413	Trường Tiểu học Hành Thiện, UBND huyện Nghĩa Hành	38	25	59	
444	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	04/9/1982	VCN414	Trường THPT Lương Thế Vinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	49	19	63	
445	Phạm Thị Lệ	Thùy	05/8/1980	VCN415	Bệnh viện Kế toán Sản-Nhi tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	43	26	54	
446	Dương Thị Thu	Thùy	07/5/1978	VCN416	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	26	70	
447	Huỳnh Thị Thu	Thùy	24/11/1984	VCN417	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	30	Miễn thi	66	
448	Đức Thị	Thùy	18/4/1984	VCN418	Liên minh Hợp tác xã	27	-	-	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
449	Nguyễn Thị Sơn	Thùy	08/3/1983	VCN420	Ban Quản lý Cảng Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	47	25	53	
450	Nguyễn Thị Thu	Thùy	07/9/1979	VCN421	Trường TH Thị trấn Mộ Đức, UBND huyện Mộ Đức	20	-	-	
451	Trần Thị Bích	Thùy	23/7/1978	VCN422	Trường TH&THCS Tịnh Thiện, UBND thành phố Quảng Ngãi	22	-	-	
452	Đặng Thị Thu	Thùy	27/01/1985	VCN423	Trường TH Nghĩa Hà, UBND thành phố Quảng Ngãi	40	20	51	
453	Nguyễn Thị Thu	Thùy	04/01/1979	VCN424	Trường TH&THCS Trần Văn Trà, UBND thành phố Quảng Ngãi	20	-	-	
454	Đồng Thị Thanh	Thúy	05/7/1992	VCN425	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	22	68	
455	Lê Thị Thanh	Thúy	08/02/1982	VCN426	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	22	52	
456	Lê Thị	Thúy	07/9/1981	VCN427	Trường THCS Bình Long, UBND huyện Bình Sơn	35	22	57	
457	Lê Thị Thanh	Thúy	10/4/1987	VCN428	Trường Tiểu học Phố Ninh, UBND thị xã Đức Phổ	35	23	56	
458	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	30/12/1991	VCN429	Trường Tiểu học Long Hiệp, UBND huyện Minh Long	45	24	53	
459	Bùi Thị Lệ	Thúy	16/8/1988	VCN430	Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ, UBND huyện Sơn Hà	46	19	56	
460	Lê Thị Thanh	Thúy	14/01/1978	VCN431	Trường TH số 2 Trương Quang Trọng, UBND thành phố Quảng Ngãi	24	-	-	
461	Trần Thị	Thúy	1984	VCN432	Trường Mầm non Trà Bình, UBND huyện Trà Bồng	19	-	-	
462	Lê Thị Thanh	Thụy	20/01/1984	VCN433	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Mộ Đức	38	22	70	
463	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/12/1984	VCN434	Trường Mầm non Sơn Thành, UBND huyện Sơn Hà	35	19	69	
464	Lê Thị Minh	Thư	20/10/1978	VCN435	Trường THCS Nghĩa Hà, UBND thành phố Quảng Ngãi	29	-	-	
465	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/5/1980	VCN436	Trường THCS Nghĩa An, UBND thành phố Quảng Ngãi	21	-	-	
466	Trần Thị Minh	Thư	27/8/1979	VCN437	Trường MN Tịnh Thiện, UBND thành phố Quảng Ngãi	18	-	-	
467	Bùi Thị Lệ	Thừa	12/02/1977	VCN438	Trường THPT Trà Bồng, Sở Giáo dục và Đào tạo	33	21	62	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
468	Võ Thị Thu	Thương	23/8/1988	VCN439	Trường Mầm non Long Sơn, UBND huyện Minh Long	25	-	-	
469	Hà Thị Như	Thương	21/8/1984	VCN440	Trường PTDTNT THCS huyện Sơn Hà, UBND huyện Sơn Hà	35	10	-	
470	Phan Tấn	Thương	1985	VCN441	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm, UBND huyện Trà Bồng	31	20	59	
471	Lê Thị Thanh	Trà	09/8/1990	VCN442	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	15	60	
472	Võ Thị Huyền	Trang	28/12/1985	VCN443	Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài nguyên và Môi trường	31	17	54	
473	Lê Thị Thu	Trang	02/3/1985	VCN444	Trường Tiểu học số 1 Bình Minh, UBND huyện Bình Sơn	35	20	51	
474	Nguyễn Thị Diễm	Trang	15/9/1978	VCN445	Trường Trung học cơ sở Phố Khánh, UBND thị xã Đức Phổ	23	-	-	
475	Lê Thị Thùy	Trang	10/11/1988	VCN446	Trường Tiểu học Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	24	-	-	
476	Phan Thị Thanh	Trang	1986	VCN447	THCS Nguyễn Chánh, UBND huyện Sơn Tịnh	28	8	-	
477	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/7/1993	VCN448	Trường Mầm non Tịnh Ấn Đông, UBND thành phố Quảng Ngãi	46	13	-	
478	Đinh Thị Thùy	Trang	1989	VCN449	Trường Mẫu giáo Trà Sơn, UBND huyện Trà Bồng	30	15	55	
479	Phạm Thị Thùy	Trâm	15/11/1985	VCN450	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ, Sở Y tế	35	12	-	
480	Nguyễn Hoàng	Triếp	07/7/1987	VCN451	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	35	Miễn thi	59	
481	Trần Niên	Triều	01/10/1987	VCN452	Trường Mầm non Ánh Dương, UBND huyện Minh Long	30	8	-	
482	Nguyễn Thị	Triều	30000	VCN453	Trường THCS Sơn Hạ, UBND huyện Sơn Hà	40	20	57	
483	Võ Thị Mai	Trúc	05/5/1984	VCN454	Trường MN Chánh Lộ, UBND thành phố Quảng Ngãi	33	13	-	
484	Nguyễn Thị	Vạn	12/8/1988	VCN455	Trường THCS Trương Quang Trọng, UBND thành phố Quảng Ngãi	44	20	60	
485	Đặng Thị	Vàng	20/5/1982	VCN456	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Lâm, UBND huyện Tư Nghĩa	35	15	61	
486	Ngô Thùy	Văn	07/10/1985	VCN457	Trường Mầm non Bình Trung, UBND huyện Bình Sơn	42	18	65	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
487	Huỳnh Thị Thúy	Vân	15/8/1986	VCN458	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng, Sở Giáo dục và Đào tạo	26	Miễn thi	-	
488	Vy Thị Hồng	Vân	16/02/1981	VCN459	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	34	18	52	
489	Nguyễn Đoàn Cẩm	Vân	29/10/1983	VCN460	Liên minh Hợp tác xã	32	Miễn thi	59	
490	Lê Thị Kiều	Vân	17/6/1983	VCN461	Trường Mầm non Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	38	19	54	
491	Trần Thị Thanh	Vân	11/05/1985	VCN462	Trường THCS Sơn Thượng, UBND huyện Sơn Hà	29	13	-	
492	Huỳnh Thị Tường	Vân	24/9/1983	VCN463	Trường Mầm non Nghĩa Sơn, UBND huyện Tư Nghĩa	31	17	68	
493	Trương Thị Mỹ	Vi	08/11/1990	VCN464	Trường Mầm non Thị trấn Mộ Đức, UBND huyện Mộ Đức	34	18	63	
494	Trần Thị Thúy	Vi	17/7/1984	VCN465	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Thắng, UBND huyện Tư Nghĩa	25	-	-	
495	Nguyễn Thị Tường	Vi	06/9/1981	VCN466	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung, UBND huyện Tư Nghĩa	36	17	63	
496	Lê Thị Hồng	Vĩ	1986	VCN468	Trường TH Tịnh Hà, UBND huyện Sơn Tịnh	46	23	57	
497	Nguyễn Văn	Viên	14/7/1978	VCN469	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng, Sở Y tế	26	-	-	
498	Nguyễn Thị Túy	Viên	09/09/1979	VCN470	Trường THCS Long Hiệp, UBND huyện Minh Long	27	-	-	
499	Nguyễn Thị	Viễn	02/8/1989	VCN471	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, Sở Tư pháp	27	-	-	
500	Bùi Thị	Viễn	10/01/1985	VCN472	Trung tâm Truyền thông-Văn hóa-Thể thao, UBND huyện Tư Nghĩa	36	21	66	
501	Dương Thị Ngọc	Vinh	05/09/1987	VCN473	Trường THCS Hành Tín Tây, UBND huyện Nghĩa Hành	30	13	-	
502	Bùi Thanh	Vinh	1978	VCN474	Trường TH Tịnh Bình, UBND huyện Sơn Tịnh	32	17	63	
503	Võ Thị	Vĩnh	28/02/1984	VCN475	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng, Sở Y tế	23	-	-	
504	Nguyễn Đình	Vũ	18/02/1988	VCN476	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Minh Long	39	23	68	
505	Nguyễn Thị	Vũ	20/10/1990	VCN477	Trường Tiểu học Nghĩa Sơn, UBND huyện Tư Nghĩa	33	20	67	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
506	Lê Thị Tường	Vy	04/01/1986	VCN478	Trường Mầm non Hành Thiện, UBND huyện Nghĩa Hành	34	17	55	
507	Lê Thị	Xin	20/05/1984	VCN479	Trường Tiểu học số II An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	41	21	55	
508	Nguyễn Thị	Xuân	1978	VCN480	Trường Mầm non Trà Phú, UBND huyện Trà Bồng	22	-	-	
509	Nguyễn Thị	Yên	1985	VCN481	Trường PTDTBT TH số 02 Hương Trà, UBND huyện Trà Bồng	37	22	62	
510	Lương Nguyễn Hồng	Yên	20/02/1984	VCN482	Kế toán Nghĩa Mỹ, UBND huyện Tư Nghĩa	22	-	-	
511	Mai Thị	Yến	02/02/1989	VCN483	Trường Mẫu giáo Bình Châu, UBND huyện Bình Sơn	33	18	64	
512	Nguyễn Phan Hải	Yến	12/7/1983	VCN484	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm, UBND thị xã Đức Phổ	26	-	-	
513	Đoàn Thị Hải	Yến	15/8/1989	VCN485	Trường Tiểu học Thanh An, UBND huyện Minh Long	45	Miễn thi	71	
514	Nguyễn Thị Phi	Yến	12/01/1980	VCN486	Trường Mầm non Đức Minh, UBND huyện Mộ Đức	26	-	-	
515	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/8/1991	VCN487	Trường Tiểu học Đức Phú, UBND huyện Mộ Đức	32	18	56	
516	Tiêu Thị Phi	Yến	08/5/1978	VCN488	Trường Tiểu học Hành Nhân, UBND huyện Nghĩa Hành	26	-	-	
517	Lê Thị	Yến	20/9/1987	VCN489	Trường TH Nguyễn Nghiêm, UBND thành phố Quảng Ngãi	34	14	-	

Danh này có 517 người./.

**DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
TỪ LƯU TRỮ VIÊN TRUNG CẤP LÊN LƯU TRỮ VIÊN NĂM 2023 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**
Kèm theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh



Điều kiện xét thăng hạng

Điều kiện xét thăng hạng																	Kết quả xét thăng hạng	Ghi chú
T	Họ và tên lời	Tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang công tác	Mã số ngạch hiện giữ	Đánh giá xếp loại chất lượng năm 2022 (<i>Hoàn thành tốt trở lên</i>)	Kỷ luật	Trình độ chuyên môn					Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp và tương đương (<i>03 năm trở lên không kể thời gian tập sự, thử việc</i>)	Thời gian hiện giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (<i>đủ 12 tháng tính đến hết ngày nộp hồ sơ</i>)			
									Trình độ chuyên môn (<i>Đại học chuyên ngành lưu trữ</i>)	Trình độ TH	Trình độ NN	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành lưu trữ (<i>Nếu tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác</i>)						
1	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20/11/1982	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Trung cấp	Anh C	Chứng chỉ sơ cấp bậc 1 nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	10 năm	6 năm	Đạt			
2	Nguyễn Thị Diệu	Chi	14/5/1984	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Văn phòng	Anh B	Trung cấp văn thư - lưu trữ	10 năm	6 năm	Đạt			
3	Trần Thị Tuyết	Minh	28/10/1983	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Trung cấp	Anh C	Chứng chỉ sơ cấp bậc 1 nghiệp vụ VTLT	10 năm	6 năm	Đạt			
4	Nguyễn Thị	Tinh	07/6/1991	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Lưu trữ học	Trung cấp	Anh C	Đại học Lưu trữ học	10 năm	6 năm	Đạt			
5	Đặng Thị Thu	Hiền	12/01/1988	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Lưu trữ học	A	Anh C	Đại học Lưu trữ học	10 năm	6 năm	Đạt			

